TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 644/2021/DS-PT
Ngày: 29/11/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà P.T.H

Các Thẩm phán: Bà M.T.M.T

Bà H.T.N.H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị K.C – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị M.L – Kiểm sát viên.

Ngày 18 và 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2021/PT – DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 204/2020/DSST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4047/2021/QĐDS-PT ngày19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Nhật K, sinh năm 1963
Địa chỉ: Số 237 đường H.B.T, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974, là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 018074 quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/8/2017 và Giấy ủy quyền số 007243 quyển số 04 TP/CC-SCC ngày 22/4/2019) *(Có mặt)*
Địa chỉ: Số 191 P.X.L, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đại Q, sinh năm 1963. (Có mặt)
Địa chỉ: Số 19 – 21 N.H.C, phường T.Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1978 (Có đơn xin văng mặt)
Địa chỉ: Số 237 đường H.B.T, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Bà Nguyễn Thị Uyên Tr, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 19 – 21 N.H.C, phường T.Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Tr: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1996 là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 7172, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/6/2020) (Có mặt)

Địa chỉ: Số 37 đường T.Q.K, phường T.Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Q, bà Tr: Ông Lê Văn N, sinh năm 1976 – Công ty Luật Hợp danh Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.(Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Đại Q .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Phạm Nhật K trình bày: Giữa ông và ông Hoàng Đại Q có hai quan hệ hợp đồng mua bán nhà và hợp đồng vay tài sản.

* Về hợp đồng mua bán nhà: Ngày 21/11/2012, ông Phạm Nhật K ký *"Hợp đồng mua bán nhà ở"* với ông Hoàng Đại Q và bà Nguyễn Thị Uyên Tr. Hợp đồng này đã được công chứng theo quy định pháp luật (Hợp đồng công chứng số: 031953, quyển số: 11TP/CC-SCC/HĐ do Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 21/11/2012); Theo đó, ông Q và bà Tr đồng ý bán căn nhà số: 19-21 N.H.C, Phường T.Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí cho ông K. Nội dung hợp đồng: Tổng diện tích khuôn viên: 128,72m^2; Diện tích xây dựng: 1.388,28m^2; Giá chuyển nhượng: 40.000.000.000 đồng; Thanh toán: Bằng tiền đồng Việt Nam, việc thanh toán do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trách nhiệm của hai bên: Bên bán có trách nhiệm giao nhà cho bên mua trong vòng 06 tháng sau khi ký hợp đồng công chứng; Bên mua có nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà tại cơ quan có thẩm quyền, bên bán có nghĩa vụ cùng bên mua hoàn thành các thủ tục đăng ký đó. Thực hiện hợp đồng, ngay khi ký hợp đồng ông K đã thanh toán đầy đủ 100% giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng cho ông Q, bà Tr số tiền 40.000.000.000 đồng. Quá thời hạn theo cam kết tại hợp đồng, nhưng ông Q bà Tr vẫn không làm thủ tục sang tên và bàn giao nhà cho ông K mặc dù ông K đã nhiều lần nhắc nhở, thúc giục. Sau đó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ngày 26/8/2013 ông K đã làm đơn đề nghị Chi cục Thuế Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông K được nộp thuế sang tên chủ quyền căn nhà 19-21 N.H.C nêu trên; nhưng đến ngày 12/9/2013 Chi cục Thuế Quận N có văn bản số 21081/CCT-Tr.B trả lời như sau: Không có cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính (lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản) đối với căn nhà 19-21 N.H.C theo đề nghị của ông K được, vì ông Q có đơn đề nghị ngăn chặn đóng thuế thu nhập cá nhân gửi cơ quan thuế ngày 22/8/2013. Ngay sau đó, do hoàn cảnh bản thân nên trong một khoảng thời gian khá dài ông K không thể liên hệ với ông Q, bà Tr và các cơ quan chức năng có thẩm quyền để yêu cầu ông Q, bà Tr làm thủ tục sang tên và bàn giao căn nhà nêu trên được. Như vậy, sau gần 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng công chứng về việc mua bán nhà và thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho ông Q và bà Tr, đến nay ông K vẫn chưa được bàn giao nhà và chưa nhận được Giấy chứng nhận chủ sở hữu căn nhà trên như đã cam kết.

Do đó, ông K đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q và bà Tr

phải tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán nhà ở ngày 21/11/2012 (Hợp đồng công chứng số: 031953, quyển số: 11TP/CC-SCC/HĐ do Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 21/11/2012); Tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để ông K được đứng tên chủ sở hữu căn nhà số 19-21 N.H.C, phường T.Đ, Quận N.

**Về hợp đồng vay tiền:* Ngày 08/11/2012, ông K có cho ông Q vay số tiền: 11.029.510.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 2%/tháng. Hai bên đã lập *"Giấy vay tiền"* về việc vay mượn này, ông Q đã nhận đủ số tiền vay và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về khoản vay trên. Từ đó đến nay ông K thường xuyên liên lạc cũng như tìm gặp để yêu cầu ông Q tất toán khoản vay trên nhưng ông Q trốn tránh không chịu trả.

Tại Biên bản thỏa thuận ngày 16/11/2012 giữa ông Q, bà Tr ký với ông K có nội dung xác nhận 02 nội dung gồm: Tiền nợ 11.092.510.000 đồng và thỏa thuận trả tiền nhà. Tại biên bản, ông Q đã tự tay viết là đã nhận đủ 40.000.000.000 đồng tiền nhà, gồm 03 khoản tiền: 13.000.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản, 12.000.000.000 đồng giải chấp do ông Q thế chấp nhà trong ngân hàng nên ông K đưa tiền để giải chấp nhà lấy giấy tờ nhà ra và 15.000.000.000 đồng tiền trả nợ cũ cấn trừ sang. Như vậy, đến nay ông Q còn nợ ông K tổng số tiền gốc là: 11.029.510.000 đồng và tiền lãi theo cam kết. Tại phiên tòa, ông K chỉ yêu cầu ông Q phải trả lại số tiền nợ gốc là 11.029.510.000 đồng, rút yêu cầu buộc ông Q phải trả lãi.

Ngày 25/8/2020, Tòa án nhân dân Quận N tách yêu cầu về tranh chấp hợp đồng mua bán nhà để giải quyết bằng vụ án khác, ông chấp hành, không có ý kiến gì.

- Bị đơn ông Hoàng Đại Q trình bày:

Ông và ông K vốn là bạn bè làm ăn. Cuối năm 2012, do tình hình tài chính khó khăn nên ông Q đã vay ông K một khoản tiền.Vì số tiền cho vay lớn nên ông K đã đề nghị ông ký hợp đồng mua bán nhà để tạo niềm tin cũng như đảm bảo cho khoản vay. Theo đó, ngày 16/11/2012, ông Q và ông K đã ký Hợp đồng mua bán nhà ở đối với căn nhà tại địa chỉ 19 – 21 N.H.C mà ông đang kinh doanh. Hai bên thống nhất đây chỉ là hợp đồng đảm bảo cho khoản vay nêu trên và hai bên sẽ hủy hợp đồng khi ông Q trả lại khoản tiền vay cho ông K. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng ngày 16/11/2012, ông K không chuyển tiền cho ông mà đề nghị ông ký lại hợp đồng công chứng. Vì đang trong tình thế quẫn bách, thời gian ngắn không thể xoay sở được nên ông đã đồng ý với ông K. Theo đó, ngày 21/11/2012 ông Q và vợ là bà Tr đã liên hệ trao đổi để ký hợp đồng công chứng thì được ông K thông báo giá mua bán là 40.000.000.000 đồng. Nhận thấy việc này là quá vô lý nên ông đã từ chối ký nhưng được ông K giải thích rằng chỉ là hợp đồng đảm bảo cho khoản vay chứ không phải hợp đồng mua bán thật. Hơn nữa ông K chỉ chuyển tiền khi vợ chồng ông ký hợp đồng công chứng nên ông buộc lòng phải chấp nhận đề nghị của ông K ký hợp đồng mua bán nhà ở số công chứng 031953, quyển số: 11/TP/CC-SCC/HĐ khi ông không nhận được số tiền như trong hợp đồng đã ký. Đến tháng 9/2014, sau khi thu xếp vấn đề tài chính cá nhân, ông đã nhiều lần chủ động liên hệ

ông K để trao đổi về việc thanh toán khoản tiền đã vay nhưng không liên hệ được vì thời điểm này ông K đang chấp hành án phạt tù (03 năm, bắt đầu từ ngày 21/10/2014). Việc liên hệ thanh toán giữa ông và ông K cũng vì vậy mà bị gián đoạn trong nhiều năm. Năm 2017, sau khi biết ông K ra tù, ông đã nhiều lần liên hệ ông K nhưng đều không nhận được phản hồi. Đến cuối năm 2017 ông nhận được thông báo của Tòa án Quận N về việc ông K khởi kiện yêu cầu ông thực hiện hợp đồng mua bán. Đồng thời, ông K còn đề nghị ngăn chặn tài sản, gây thiệt hại nặng nề đến tình hình kinh doanh của ông.

Tại Biên bản hỏi cung bị can và Bản tự khai ngày 25/8/2015 tại Trại tạm giam T16 - Bộ Công An (BCA), ông K đã khai có cho ông vay một khoản tiền và thừa nhận giữa ông và ông K đã thỏa thuận riêng với nhau là sau khi ông hoàn trả đủ số tiền vay ông K sẽ hủy hợp đồng mua bán nhà ở đã công chứng. Bên cạnh đó, từ thời điểm giao kết hợp đồng đến nay hiện trạng căn nhà vẫn không thay đổi, ông vẫn đang sử dụng ổn định để kinh doanh nên không có căn cứ cho rằng ông đã bán căn nhà tại địa chỉ 19 – 21 N.H.C cho ông K. Ngoài ra, việc trao đổi, liên hệ giữa ông và ông K thông qua email và điện thoại, đều thể hiện giữa hai bên là quan hệ cho vay chứ không phải mua bán như ông K đã trình bày. Nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông thực hiện Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 21/11/2012, số công chứng 031953, quyển số: 11/TP/CC-SCC/HĐ vì thực chất hợp đồng chuyển nhượng này là nhằm che dấu cho mối quan hệ vay mượn tiền giữa ông và ông K để ông Q lấy tiền giải chấp cho căn nhà của ông đang thế chấp tại ngân hàng.

Đối với biên bản thỏa thuận ngày 16/11/2012, ông Q xác nhận chữ viết ghi trên biên bản là do ông Q viết nhưng là do bị ép buộc. Đối với số tiền trong biên bản này ông thừa nhận ông có nhận 22.200.000.000 đồng này. Trong đó, ông rút ra 12.000.000.000 đồng để trả khoản nợ cho Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, và rút 10.200.000.000 đồng để trả cho 02 người khác, còn lại 2.800.000.000 đồng (trong số 25.000.000.000 đồng là tiền do ông Q nhận khống để trả lãi trước cho ông K). Đối với khoản tiền 15.000.000.000 đồng, ông xác định trong đó có 7.500.000.000 đồng là tiền gốc và 7.500.000.000 đồng là tiền lãi. Ông cho rằng việc ông K khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán nhà với các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày do ông K cung cấp cho Tòa án là hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Bà khẳng định tất cả các giao dịch về mua bán nhà 19-21 N.H.C hay vay mượn tiền giữa ông K với ông Q, bà Tr là việc riêng của ông K, không liên quan đến tài sản cá nhân bà hay tài sản chung của bà và ông K. Việc cá nhân bà chuyển tiền (nếu có) cho ông Q thì cũng chỉ là chuyển giùm tiền của ông K cho ông Q, nội dung việc chuyển tiền để làm gì bà không rõ vì tiền là của ông K, nếu ông Q cho rằng bà có liên quan gì thì cứ xuất trình chứng cứ chứng minh. Trong vụ án này bà không có bất cứ yêu cầu nào vì là tranh chấp giữa ông K với vợ chồng ông Q, bà Tr. Tuy nhiên, bà giải trình về nội dung sự việc theo lời khai của ông K tại *"Biên*

bản hỏi cung" và *"Bản giải trình"* cùng ngày 25/8/2015 khi làm việc với Cơ quan CSĐT – BCA trong vụ án hình sự như sau: Vào năm 2012 ông K có cho ông Q vay số tiền 25.000.000.000 đồng, để đảm bảo cho việc vay số tiền này ông Q phải ký Hợp đồng công chứng về việc bán căn nhà số 19-21 N.H.C cho ông K. Số tiền này có được là do ông K vay tại Ngân hàng B bằng việc thế chấp căn nhà số 237 H.B.T, Phường S, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh; Nay (năm 2014) ông K ủy quyền cho bà (Nguyễn Thị Lan A) được toàn quyền Huỷ hợp đồng mua bán nêu trên; Ông K có những lời khai như trên là bởi những lý do: Ông K ký Hợp đồng công chứng về việc mua bán căn nhà số 19-21 N.H.C với ông Q bà Tr vào năm 2012 với giá 40.000.000.000 đồng, tuy nhiên sau đó ông Q bà Tr không làm thủ tục sang tên và bàn giao nhà cho ông K như cam kết; Đến năm 2014 có 2 sự kiện liên tiếp xảy ra với ông K: Ông K bị Cơ quan CSĐT – BCA khởi tố, bắt tạm giam để điều tra về tội *"Cố ý làm trái"* xảy ra trong quá trình công tác; Khoản vay của ông K tại Ngân hàng B (bằng việc thế chấp căn nhà số 237 H.B.T, Phường S, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh) quá hạn, bị Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán, nếu không sẽ phát mãi tài sản đảm bảo; Trước tình hình đó để cứu vãn tình thế, buộc lòng bà đã tìm đến ông Q để yêu cầu: Phải nhanh chóng làm thủ tục sang tên và bàn giao nhà 19-21 N.H.C, Quận N cho ông K; Trường hợp không thể bàn giao căn nhà trên vì lý do đang kinh doanh (Khách sạn MT) thì phải hoàn trả cho ông K toàn bộ gốc, lãi của số tiền đã nhận 40.000.000.000 đồng trước đây; Ông Q hứa với bà là sẽ hoàn trả cho ông K số tiền 40.000.000.000 đồng đã nhận (sẽ chia làm nhiều đợt), nhưng với điều kiện phải hủy Hợp đồng mua bán nhà công chứng đã ký, để ông Q hợp tác với người khác mở rộng Khách sạn thông qua hình thức góp vốn bằng chính căn nhà trên để lấy tiền trả cho ông K; Trước tình hình bí bách như trên, không còn cách nào khác nên vợ chồng bà phải đồng ý. Và để thực hiện việc này bà phải làm đơn xin vào gặp ông K tại Trại tạm giam T16 – BCA để ông K ký Hợp đồng uỷ quyền số công chứng 2372.2015/HĐ, quyển số 03.2015/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/9/2015/CC-SCC (Hợp đồng ủy quyền ngày 04/9/2015) cho bà về việc huỷ Hợp đồng mua bán nhà ngày 21/11/2012 với ông Q. Và cũng để phù hợp với nội dung đã trình bày tại *"Đơn xin gặp mặt thân nhân"* của bà, nên trong "*Bản tường trình"* và *"Biên bản hỏi cung*" khi làm việc với Cơ quan CSĐT – BCA ông K phải khai nhận với nội dung như trên; Tuy nhiên, sau khi ông K ký ủy quyền ngày 04/9/2015 cho bà được toàn quyền huỷ Hợp đồng mua bán nhà ngày 21/11/2015 với ông Q, bà Tr thì ông Q lại trở mặt không trả lại tiền cho vợ chồng bà như đã hứa. Vì vậy đến ngày 14/10/2016 khi ông K đang chấp hành án tại Trại tạm giam T17 – BCA, ông K đã ký Hợp đồng uỷ quyền, số công chứng 014995, quyển số 10/TP-SCC/HĐGD (Hợp đồng ủy quyền ngày 14/10/2016) cho bà được toàn quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để hoàn tất các bước thủ tục đo vẽ, nộp thuế, phí, lệ phí, ... nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất đối với căn nhà nêu trên cho ông K. Cho đến hôm nay, bà vẫn không thực hiện được sự ủy quyền này do ông Q ngăn cản. Do ông K đã được tự do nên ông K sẽ tự thực hiện các thủ tục này. Do không có liên quan đến tranh chấp giữa các bên nên bà đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Uyên Tr*: Bà Tr vắng mặt, không nộp cho Tòa án ý kiến của mình. Tại phiên tòa ngày 24/8/2020, bà Nguyễn Thị Thanh L là người đại diện theo uỷ quyền của bà Tr trình bày: Bà Tr không ký hợp đồng mua bán nhà tại Phòng Công chứng N, các khoản tiền ông Q vay của ông K bà không biết, không liên quan.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm:

Ngày 04/10/2017, Toà án nhân dân Quận N thụ lý vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà" giữa nguyên đơn ông Phạm Nhật K và bị đơn ông Hoàng Đại Q, bà Nguyễn Thị Uyên Tr.

Ngày 16/5/2019, Toà án nhân dân Quận N thụ lý vụ án số 1223/2019/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn ông Phạm Nhật K và bị đơn ông Hoàng Đại Q.

Ngày 01/11/2019, Toà án nhân dân Quận N ra quyết định nhập vụ án số 1223/2019/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" vào vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà" để giải quyết trong cùng một vụ án.

Ngày 25/8/2020, Toà án nhân dân Quận N ra quyết định tách vụ án trên thành 02 vụ án số 369/2020/TLST-DS ngày 25/8/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà" và vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Cùng ngày, Toà án nhân dân Quận N đưa vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" ra xét xử sơ thẩm.

Ngày 31/8/2020, Toà án nhân dân Quận N ra Quyết định số 129/2020/QĐST-DS chuyển hồ sơ vụ án thụ lý số 369/2020/TLST-DS ngày 25/8/2020 đến toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 13/3/2021 Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án trên về lại Toà án nhân dân Quận N với lý do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án số 204/2020/DSST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

"1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Nhật K yêu cầu bị đơn ông Hoàng Đại Q trả 6.452.263.350 (sáu tỉ, bốn trăm năm mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi) đồng tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Nhật K buộc ông Hoàng Đại Q phải trả cho ông Phạm Nhật K số tiền 11.029.510.000 (mười một tỷ, không trăm hai mươi chín triệu, năm trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của ông Phạm Nhật K (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Hoàng Đại Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/9/2020, bị đơn ông Hoàng Đại Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 204/2020/DSST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Hoàng Đại Q trình bày nội dung và căn cứ kháng cáo: Bị đơn cho rằng bản án của Toà án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm tố tụng và sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ, gây thiệt hại cho quyền lợi của bị đơn. Cụ thể như sau:

1. Về mặt tố tụng:

- Thẩm phán không xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ sự thật khách quan của vụ án theo yêu cầu của bị đơn. Các tài liệu chứng cứ là lời khai của nguyên đơn ông Phạm Nhật K tại Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đều thể hiện việc ông K cho ông Q vay tổng số tiền 22,2 tỷ đồng, công dồn lãi thành 25 tỷ đồng và nhận đảm bảo là tài sản nhà và đất tại số 19-21 N.H.C, phường T.Đ, Quận N, chứ không phải là quan hệ mua bán nhà. Ngoài khoản tiền trên, ông Q còn nợ ông K 11.029.510.000 đồng (bao gồm gốc và lãi cũ) theo hợp đồng vay tiền ngày 08/11/2012, khoản nợ này được ông K nâng thành 15 tỷ đồng (bao gồm gốc + lãi cũ + lãi mới) và đưa vào hợp đồng công chứng mua bán nhà ngày 21/11/2012. Ngoài ra giữa ông Q và ông K không còn khoản nợ nào khác. Để chứng minh số tiền thực tế mà ông Q vay của ông K và để chứng minh hợp đồng mua bán nhà là giả cách nhằm che đậy hợp đồng vay tài sản, ông Q đã yêu cầu thẩm phán thu thập chứng cứ là sao kê tài khoản của ông K tại ngân hàng nhưng không được Thẩm phán chấp nhận.

- Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt Giấy triệu tập, thông báo mở phiên toà cho bị đơn. Chỉ đến khi bị đơn nhận được bản án và thông qua người đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Uyên Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì ông Q mới biết Toà án đã mở phiên toà xét xử vào lúc 16 giờ ngày 24/8/2020. Tại phiên toà không có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp nhưng Thẩm phán vẫn tiến hành thủ tục xét hỏi, tranh luận, sau đó tạm ngừng phiên toà. Ngày hôm sau, 25/8/2020 Thẩm phán tiếp tục mở phiên toà và ra bản án số 204/2020/DSST mà không có bất kỳ một quyết định, thông báo hoặc giấy triệu tập nào đến bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc này vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 122, 170 và 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng, gây thiệt hại cho quyền lợi của đương sự và hạn chế quyền tham gia tố tụng của họ.

- Thẩm phán phớt lờ mọi yêu cầu của bị đơn trong vụ án. Sau nhiều lần hoãn phiên toà và xét xử vắng mặt bị đơn, vụ án đã được tách thành hai vụ theo quyết định số 3653/QĐST-DS ngày 25/8/2020 và Thẩm phán xét xử trước vụ kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản vào ngày 25/8/2020 nhưng ngày 28/8/2020 bị đơn mới nhận được quyết định tách vụ án này.

2. Về nội dung: Trong năm 2012, ông Q làm ăn gặp khó khăn nên có vay ông K một số tiền. Đến ngày 08/11/2012 hai bên cùng chốt lại số tiền gốc và lãi là 11.029.510.000 đồng. sau đó vì cần giải chấp tài sản tại ngân hàng nên ông Q vay tiếp ông K số tiền 22,2 tỷ đồng vào ngày 21/11/2020. Vì số tiền vay khá lớn nên ông K đề nghị ông Q ký hợp đồng mua bán nhà với giá 40 tỷ để đảm bảo cho khoản vay này. Như vậy, số tiền vay 11.029.510.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 08/11/2012 được ông K gộp chung cả tiền gốc, lãi mới, lãi cũ thành 15 tỷ đồng, cộng với số tiền 22,2 tỷ nâng thành 25 tỷ (bao gồm 2,8 tỷ lãi trả trước) thành 40 tỷ là giá của hợp đồng mua bán nhà ngày 21/11/2012.

Sau khi ký hợp đồng mua bán nhà, ông Q đã nhiều lần liên hệ ông K để yêu cầu huỷ bỏ giấy vay nợ ngày 08/11/2012, cũng như xác nhận lại số tiền vay 22,2 tỷ (đã được nâng thành 25 tỷ) nhưng ông K lẩn tránh. Và khởi kiện ông Q bằng hai vụ kiện đối với số tiền vay theo hợp đông ngày 08/11/2012 và hợp đồng mua bán nhà. Thực chất tổng số tiền vay là 22,2 tỷ đồng và 11.029.510.000 đồng đã được đảm bảo bằng hợp đồng mua bán nhà ngày 21/11/2012.

Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét lời trình bày của các đương sự mà tách vụ án ra xét xử buộc ông Q trả lại cho ông K 11.029.610.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q. Do đó đề nghị toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đây là vụ án dân sự phúc thẩm về quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản chứ không phải giải quyết về hợp đồng mua bán nhà. Các chứng cứ liên quan đến việc vay mượn tiền là giấy vay mượn tiền ngày 08/11/2012 giữa ông Phạm Nhật K và ông Hoàng Đại Q; Biên bản thỏa thuận ngày 16/11/2012 đã được Tòa án cấp sơ thẩm đối chiếu bản chính, và cũng đã được bị đơn thừa nhận tại phiên tòa. Chữ ký và chữ viết trên các văn bản này bị đơn cũng đã thừa nhận đó là chữ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cam kết sẽ cung cấp cho Tòa án các chứng cứ về quan hệ vay mượn tiền, nhưng thực tế ông Q không xuất trình được chứng cứ phản bác việc ngày 08/11/2012 chính ông Q đã viết và ký giấy vay mượn tiền có nội dung " Đã nhận đủ tiền và đây là khoản vay duy nhất, cuối cùng được tôi và anh Kiều quyết toán đến ngày 08/11/2012 (các giấy vay khác đã hủy)", vì vậy việc thu thập thêm các chứng cứ như trình bày của bị đơn là không cần thiết. Ngày 25/8/2020, Toà án nhân dân Quận N đã ra quyết định tách vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà và Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thành 02 vụ án số 369/2020/TLST-DS ngày 25/8/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà" và vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và đưa vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" ra xét xử sơ thẩm cùng ngày, nguyên đơn đồng ý. Việc bị đơn nhận được quyết định tách vụ án sau ngày xét xử là do bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Mặt khác, căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này không thuộc trường hợp bắt buộc Viện kiểm sát tham gia, do đó việc bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì phiên tòa không có mặt Kiểm sát viên là không có cơ sở. Do đó, các lý do kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị Uyên Tr trình bày:

Bà có nhận được giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2020, phiên tòa diễn ra lúc 16 giờ chiều, vắng mặt Kiểm sát viên. Chủ tọa có giải thích về việc vắng mặt Kiểm sát viên. Đến hết phần xét hỏi, chủ tọa phiên tòa thông báo tạm ngừng phiên tòa, thời gian địa điểm tiếp tục mở phiên tòa sẽ được thư ký thông báo và mời đương sự ra về. Việc mở phiên tòa liền ngày sau đó là ngày 25/8/2020 bà không biết nên không đến tham gia phiên tòa. Về diễn biến phiên tòa bà có File ghi âm lưu trong điện thoại. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục tố tụng nên bà đồng ý với ý kiến của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng tại Toà án cấp phúc thẩm: Toà cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo của các đương sự còn còn trong thời hạn luật định.

- Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

1. Về thủ tục sơ thẩm của Toà án cấp sơ thẩm: Tại phiên toà sơ thẩm diễn ra vào ngày 24/8/2020, Kiểm sát viên không tham gia phiên toà nhưng tại biên bản phiên toà và bản án không thể hiện nội dung này, ngoài ra, hồ sơ vụ án không có biên bản tống đạt các văn bản tố tụng cho luật sư, đây là những sai sót về mặt tố tụng.

2. Về nội dung:

Ngày 04/10/2017, Toà án nhận dân Quận N thụ lý vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà" giữa nguyên đơn ông Phạm Nhật K và bị đơn ông Hoàng Đại Q

Ngày 16/5/2019, Toà án nhận dân Quận N thụ lý vụ án số 1223/2019/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn ông Phạm Nhật K và bị đơn ông Hoàng Đại Q.

Ngày 01/11/2019, Toà án nhân dân Quận N ra quyết định nhập vụ án số 1223/2019/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" vào vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà" để giải quyết trong cùng một vụ án. Việc Toà án nhập hai vụ án để giải quyết trong cùng một vụ án là đảm bảo việc giải quyết đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn tại cơ quan Cảnh sát Điều tra (Bộ Công an) thể hiện:

Tại biên bản hỏi cung bị can và bản tự khai ngày 25/8/2015 tại Trại giam T16 (Bộ Công an), nguyên đơn ông Phạm Nhật K khai vào khoảng tháng 12/2012 bị đơn ông Hoàng Đại Q có hỏi vay ông 25 tỷ đồng để giải chấp căn nhà của ông Q đang thế chấp tại Ngân hàng V - chi nhánh T, để đảm bảo cho khoản vay này ông K và ông Q có ký một hợp đồng mua bán căn nhà số 19-21 N.H.C, phường T.Đ, Quận N. Ông Kiêu và ông Q thoả thuận riêng với nhau sau khi ông Q trả hết tiền

vay thì ông K sẽ huỷ hợp đồng mua bán nhà. Đồng thời ông K có ký hợp đồng uỷ quyền cho vợ là bà Nguyễn Thị Lan A và em trai Phạm Nhật Trường giải quyết huỷ hợp đồng mua bán nhà giữa ông Q và ông K.

Như vậy, thực tế việc vay mượn tiền là có thật và để đảm bảo cho khoản vay trên thì hai bên đã ký hợp đồng mua bán nhà ngày 21/11/2012. Hợp đồng mua bán nhà này là giả tạo nhằm che giấu quan hệ vay tiền giữa hai bên. Tuy nhiên ngày 24 và 25/8/2020 Toà án nhân dân Quận N mở phiên toà xét xử đã tách quan hệ hợp đồng mua bán nhà để giải quyết trong vụ án khác và đưa ra xét xử quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không giải quyết toàn diện vụ án. Trên cơ sở những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc tách vụ án trên là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tư những phân tích trên, xét toà án cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục tố tụng và thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân Quận N, chuyển hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 25/8/2020, Toà án nhân dân Quận N xét xử và ban hành bản án số 204/2020/DS-ST, bị đơn vắng mặt tại phiên toà. Ngày 29/9/2020 bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đến ngày 27/10/2020 Toà án nhân dân Quận N mới tiến hành tống đạt bản án cho bị đơn cùng lúc với thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định và hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thủ tục tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán nhà. Bị đơn cư trú tại Quận N. Do đó Toà án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự:

Tại đơn kháng cáo, bị đơn cho rằng không được Toà án cấp sơ thẩm tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử nên không có điều kiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên căn cứ

vào hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Hoàng Đại Q có bản trình bày ý kiến và có tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Mặt khác, căn cứ vào các biên bản tống đạt có trong hồ sơ vụ án thể hiện Toà án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, kháng cáo của bị đơn về nội dung này là không có cơ sở.

Về thủ tục thông báo, tống đạt văn bản tố tụng cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Lê Văn N trình bày Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt quyết định xét xử, không thông báo, không triệu tập ông với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm để ông được bảo vệ quyền lợi cho bị đơn. Xét tại hồ sơ vụ án không thể hiện có biên bản tống đạt các văn bản tố tụng cho luật sư như lời trình bày của ông Nam. Quyết định hoãn phiên tòa ngày cũng không được tống đạt cho là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự có mặt của Kiểm sát viên cùng cấp tại phiên toà sơ thẩm:

Tại đơn kháng cáo, bị đơn trình bày phiên toà sơ thẩm ngày 24/8/2020 không có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp nhưng Thẩm phán vẫn tiến hành thủ tục xét hỏi, tranh luận, sau đó tạm ngừng phiên toà. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Nguyễn Thi Thanh Lan là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Uyên Tr trình bày và nộp cho Tòa bản giải trình và file ghi âm thể hiện thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm giải thích về việc phiên toà ngày 24/8/2020 vắng mặt Kiểm sát viên. Tuy nhiên biên bản phiên toà bắt đầu vào lúc 14 giờ 30 ngày 24 tháng 8 năm 2020 lại thể hiện kiểm sát viên Trần Lệ Th có mặt và trong phần thủ tục bắt đầu phiên toà Thẩm phán chủ toạ có giới thiệu thành phần hội đồng xét xử, kiểm sát viên, thư ký toà án và không có đương sự nào có ý kiến đề nghị thay đổi thành phần những người tiến hành tố tụng như chủ tọa phiên tòa công bố. Như vậy, biên bản phiên toà ngày 24/8/2020 không thể hiện đúng diễn biến phiên toà và thành phần những người tiến hành tố tụng là vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 236 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn một số sai sót về thủ tục tố tụng, cụ thể:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/8/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6163/2020/QĐXXST-DS ngày 31/7/2020 bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số 6645/2020/QĐST-DS ngày 17/8/2020 tuy nhiên hồ sơ vụ án không có biên bản phiên tòa, không có biên bản thảo luận của Hội đồng xét xử về việc hoãn phiên tòa là vi phạm quy định tại Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Theo diễn biến phiên tòa sơ thẩm đươc thể hiện tại biên bản phiên tòa (từ BL 120-124) thì vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 24/8/2020, Hội đồng xét xử vào phòng thảo luận và tuyên bố tạm ngừng phiên tòa. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không có biên bản thảo luận của Hội đồng xét xử về việc tạm ngừng phiên tòa, không có quyết

định tạm ngừng phiên tòa là vi phạm quy định tại Điều 235 và Điều 259 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Ngày 04/10/2017, Toà án nhận dân Quận N thụ lý vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà" giữa nguyên đơn ông Phạm Nhật K và bị đơn ông Hoàng Đại Q, bà Nguyễn Thị Uyên Tr. Nội dung khởi kiện: Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà ngày 21/11/2012 đối với căn nhà 19-21 N.H.C, phường T.Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày16/5/2019, Toà án nhận dân Quận N thụ lý vụ án số 1223/2019/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn ông Phạm Nhật K và bị đơn ông Hoàng Đại Q. Nội dung khởi kiện: Tranh chấp về số tiền vay 11.029.510.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 08/11/2020.

Căn cứ vào những lời trình bày của bị đơn ông Hoàng Đại Q tại hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì cuối 2012 năm do làm ăn gặp khó khăn nên ông đã hỏi vay ông K một số tiền, vì khoản tiền vay lớn nên ông K có đề nghị ông ký hợp đồng mua bán căn nhà 19-21 N.H.C, phường T.Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản tiền vay. Do đó, ngày 01/11/2019, Toà án nhân dân Quận N ra quyết định nhập vụ án số 1223/2019/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" vào vụ án số 1751/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà" để giải quyết trong cùng một vụ án. Việc Toà án nhập hai vụ án để giải quyết trong cùng một vụ án là đảm bảo việc giải quyết đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tuy nhiên, ngày 25/8/2020 Toà án nhân dân Quận N mở phiên toà xét xử đã tách quan hệ hợp đồng mua bán nhà để giải quyết trong vụ án khác và đưa ra xét xử quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với khoản tiền vay ngày 08/11/2012.

[2.2.2]. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn tại cơ quan Cảnh sát Điều tra (Bộ Công an) thể hiện:

Tại biên bản hỏi cung bị can và bản tự khai ngày 25/8/2015 tại Trại giam T16 (Bộ Công an), nguyên đơn Phạm Nhật K khai vào khoảng tháng 12/2012 bị đơn ông Hoàng Đại Q có hỏi vay ông 25 tỷ đồng để giải chấp căn nhà của ông Q đang thế chấp tại Ngân hàng V - chi nhánh T, để đảm bảo cho khoản vay này ông K và ông Q có ký một hợp đồng mua bán căn nhà số 19-21 N.H.C, phường T.Đ, Quận N. Ông K và ông Q thoả thuận riêng với nhau sau khi ông Q trả hết tiền vay thì ông K sẽ huỷ hợp đồng mua bán nhà. Đồng thời ông K có ký hợp đồng uỷ quyền cho vợ là bà Nguyễn Thị Lan A và em trai Phạm N.T giải quyết huỷ hợp đồng mua bán nhà giữa ông Q và ông K.

Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của ông K tại Cơ quan điều tra thì thực tế việc vay mượn tiền giữa ông K và ông Q là có thật và để đảm bảo cho khoản vay 25 tỷ đồng thì hai bên đã ký hợp đồng mua bán nhà ngày 21/11/2012. Bị đơn cũng xác nhận nội dung này. Như vậy, hợp đồng mua bán nhà là giả tạo nhằm che giấu quan hệ vay tiền giữa hai bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Đại Q xuất trình một bản chính hợp đồng mua bán nhà giữa ông Q, bà Tr và ông K (không có công chứng), ký ngày 16/11/2012 có cùng nội dung mua bán căn nhà 19-21 N.H.C. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, cùng nội dung mua bán căn nhà 19-21 N.H.C nhưng trong khoảng thời gian ngắn, giữa hai bên có 2 hợp đồng mua bán nhà với số tiền khác nhau. Số tiền mua bán nhà tại hợp đồng mua bán nhà do hai bên ký kết tại hợp đồng ngày 16/11/2012 là 25 tỷ đồng nhưng tại hợp đồng có công chứng ngày 21/11/2012 là 40 tỷ đồng. Toà án cấp sơ thẩm chưa đối chất làm rõ tính xác thực của hợp đồng mua bán nhà ngày 16/11/2012 và số tiền chênh lệch 15 tỷ đồng tại hai hợp đồng; chưa làm rõ số tiền vay 11.029.510.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 08/11/2012 có được cộng gộp vào khoản vay 25 tỷ đồng vào tháng 11/2012 và lãi như lời trình bày của bị đơn để thành số tiền mua bán nhà theo hợp đồng ngày 21/11/2012 là 40 tỷ đồng hay không. Ngày 25/8/2020 toà án nhân dân Quận N mở phiên toà xét xử đã tách quan hệ hợp đồng mua bán nhà để giải quyết trong vụ án khác và đưa ra xét xử quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với khoản tiền vay ngày 08/11/2012 là không giải quyết toàn diện vụ án, hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc tách vụ án trên là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 499 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì "Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định, hành vi trong tố tụng dân sự của cơ quan, người tiến hành tố tụng dân sự khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.". Quyết định tách vụ án dân sự là quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong hoạt động hoạt động tố tụng dân sự nên đương sự có quyền khiếu nại quyết định này. Căn cứ vào biên bản tống đạt (BL28) thì ngày 26/8/2020 Tòa án mới tống đạt quyết định tách vụ án cho đương sự sau khi đã xét xử xong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là không đảm bảo quyền khiếu nại của đương sự.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, huỷ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân Quận N có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để xem xét toàn diện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích ở trên, những sai sót này cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, cần huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 204/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Toà án nhân dân Quận N, chuyển hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân Quận N để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí Dân sự sơ thẩm được xác định khi vụ án được xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1, khoản 2 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đại Q.

Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 204/2020/DSST ngày 25/8/2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2.Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Q số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030014 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

M.T.M.T – H.T.N.H **P.T.H**


64-DSPT-23.2.21
1 000102 767213
19.11.2021 15:34
Phạm Nhật Kiều